

Bản án số: 42/2023/HC-PT
Ngày: 07/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Lê

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam

Bà Phan Thị Vân Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 276/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2022 do có kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2023/QĐ-PT ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Phùng Thị M, sinh năm 1960; đều trú tại: Thôn Đ, xã N (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh B; ông Lê Văn T có mặt, bà Phùng Thị M vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M: Anh Lê Văn A; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn N, huyện V, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M: Luật sư Triệu Hạnh H - Luật sư Văn phòng luật sư Triệu Hiểu, Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại L - Chủ tịch UBND huyện V;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng B - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lương Văn B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã N (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh B; có mặt.

3.2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã N (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh B; vắng mặt.

3.3. Bà Phùng Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Q, xã N (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh B; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị S: Ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Q, xã N (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phùng Thị S: Luật sư Giáp Văn Đ thuộc Công ty Luật TNHH F, Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

3.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện V: ông Lê Hoàng B - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn L - Chủ tịch UBND thị trấn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Mạnh Đ - Phó Chủ tịch UBND thị trấn; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M do anh Lê Văn A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số BG 184277 do Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) huyện V cấp ngày 01/11/2011 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 283m² tại thôn M 2, xã N, huyện V, tỉnh B.

- GCNQSDĐ số BR 351215 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013 cho bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 139,9m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- GCNQSDĐ số BX 502442 do UBND huyện V cấp ngày 03/12/2014 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, diện tích 143,1m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- GCNQSDĐ số CL 024698, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02396 do UBND huyện V cấp cho bà Phùng Thị S, theo quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày

17/5/2019 đối với thửa đất số 690, tờ bản đồ số 18, diện tích 144,7m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

Căn cứ người khởi kiện đưa ra là:

Năm 1982 gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M được hợp tác xã giao cho sử dụng thửa đất số 387, tờ bản đồ số 08, diện tích 629,1m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B. Ngày 28/10/2003 gia đình đã có quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ 629,1m² đất tại số thứ tự 363 theo danh sách kèm theo Quyết định số 2137/QĐ-UBND của UBND huyện V về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 794 hộ tại xã N, huyện V, tỉnh B. Năm 2011 ông Lương Văn B được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích là 283m² tại thôn Đ, xã N, huyện V là trái pháp luật vì đã cấp lên một phần diện tích 629,1m² đất của gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn B là trái pháp luật nên khi ông Lương Văn B chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 283m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, bà cho bà Dương Thị H và bà Phùng Thị S là trái pháp luật. UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị H, bà Phùng Thị S và ông Lương Văn B là không đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện V trình bày:

Về việc lập hồ sơ cấp giấy quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn T và bà Phùng Thị M:

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Thửa đất số 387, tờ bản đồ 08, diện tích là 629,1m² tại Xóm 4, Tổ dân phố Đ, thị trấn N hiện nay ông Lê Văn T và bà Phùng Thị M đang khởi kiện có nguồn gốc trước đây là đất thung vũng, ao do tập thể Hợp tác xã (viết tắt: HTX), xã quản lý. Do nhu cầu đất ở các hộ gia đình trong thôn, Ban lãnh đạo thôn họp thống nhất chia để làm đất ở, đối tượng là các hộ gia đình có 02 con dâu. Diện tích đất chia là diện tích đất do tập thể quản lý trong đó có khu vực đất ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đang khởi kiện và giao theo tiêu chuẩn bình quân 12 thước (288,0m²) và từng vị trí.

Năm 1984, thực hiện nghị quyết của HTX, đã triển khai xét để giao cho các hộ đủ tiêu chuẩn, trong đó có hộ gia đình ông Lê Văn Thạc (bố đẻ ông Lê Văn T), diện tích giao là 360,0m² (chiều rộng 18,0m, chiều dài 20,0m). Năm 1988-1989 đo đạc bản đồ thửa đất của gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đang khởi kiện (Thửa đất số 387, tờ bản đồ 08) là 02 thửa: Thửa 280, diện tích 305,0m²; thửa 329, diện tích 340,0m², tờ bản đồ số 04 (tổng diện tích 02 thửa 645,0m²). Đến năm 2001 đo đạc gộp thành 01 thửa đất (thửa số 387 tờ bản đồ 08 diện tích là 629,1 m², trong đó thể hiện là đất thổ cư (T), một phần thể hiện là Ao).

Về quá trình sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Từ năm 1984 HTX giao gia đình ông Lê Văn Thạc (bố đẻ ông Lê Văn T). Đến năm 2001, UBND huyện tổ chức đo đạc bản đồ địa chính chính quy đã đo toàn bộ diện tích đất thành một thửa đất, có ghi chủ sử dụng là hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M (Thửa số 387 tờ bản đồ 08 diện tích là 629,1m², trong đó thể hiện là đất thổ cư (T), một phần thể hiện là Ao).

Đến năm 2003, UBND xã N (nay là Thị trấn N) tổ chức kê khai cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trong toàn xã, hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đã thực hiện kê khai toàn bộ diện tích thửa số nêu trên; trong đó thể hiện là đất thổ cư (T), một phần thể hiện là Ao. Tuy nhiên hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đã kê khai cả diện tích 283,0m² (có các cạnh: Phía Bắc rộng 15,80m; phía Nam rộng 15,10m; Phía Đông dài 19,0m; phía Tây 17,80m) của gia đình ông Lương Văn B được BLĐ thôn M, xã N (nay là Thị trấn N) giao đất ngày 10/8/2002 và gia đình ông Lương Văn B đã nộp số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 05 ghi ngày 09/8/2002.

Hiện nay gia đình ông Lê Văn T không có tờ gì về quyền sử dụng đất, gia đình chỉ căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 2001 và được duyệt năm 2002; tuy nhiên bản đồ không phải là một trong các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013. Đến nay UBND huyện V chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê Văn T và bà Phùng Thị M.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lương Văn B:

Nguồn gốc sử dụng đất:

Diện tích đất năm 2011 ông Lương Văn B được UBND huyện V cấp GCNQSD đất tại thửa số 387, tờ bản đồ số 08 diện tích 283,0m² (thuộc một phần diện tích thửa 387 tờ bản đồ số 08 mà ông Lê Văn T bà Phùng Thị M đang khởi kiện), có nguồn gốc: Hợp tác xã giao cho ông Nguyễn Văn Đệ (diện tích khoảng 400,0m²), phần diện tích này giáp với diện tích đất Hợp tác xã giao cho hộ gia đình ông Lê Văn Thạc (Bố đẻ ông Lê Văn T), diện tích này thuộc thửa đất 387, tờ bản đồ số 08 bản đồ đo đạc năm 2001 xã N. Tuy nhiên diện tích này gia đình ông Nguyễn Văn Đệ không nhận và vẫn do tập thể quản lý. Đến năm 2002 gia đình ông Lương Văn B đề nghị thôn giao cho gia đình theo tiêu chuẩn 02 dẫu, Ban lãnh đạo thôn M, xã N đã nhất trí và giao đất cho gia đình ông Lương Văn B.

Ngày 10/8/2002 đại diện Ban lãnh đạo thôn M đã tiến hành đo đạc hiện trạng và giao đất cho gia đình ông Lương Văn B diện tích 383,0m² có các cạnh: Phía Bắc rộng 15,80m; phía Nam rộng 15,10m; Phía Đông dài 19,0m; phía Tây 17,80m. Gia đình ông Lương Văn B đã nộp số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 05 ghi ngày 09/8/2002 cho Ban lãnh đạo thôn M, xã N.

Như vậy diện tích UBND huyện V cấp GCNQSD đất cho ông Lương Văn B là đúng, phù hợp hiện trạng so với vị trí, diện tích giao đất của Hợp tác xã năm 1984 và Bản đồ đo đạc năm 1988-1989.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn B:

Ngày 04/4/2011 ông Lương Văn B có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối với thửa số 387, tờ bản đồ số 08, diện tích 283 m² (diện tích đo thực tế, thuộc một phần diện tích thửa 387, tờ bản đồ số 08 mà ông Lê Văn T bà Phùng Thị M đang khởi kiện). UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Lương Văn B tại Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 số BG 184277.

Năm 2012, ông Lương Văn B chuyển nhượng diện tích 143,1m² (thuộc thửa 424 tờ bản đồ số 08) cho bà Dương Thị H, trú tại thôn Q, xã N và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 011972.

Năm 2013 ông Lương Văn B chuyển nhượng phần diện tích còn lại (139,9m²) cho bà Phùng Thị S, thôn Q, xã N (thuộc thửa số 387 tờ bản đồ số 08) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR351215. Năm 2019, bà Phùng Thị S cấp đổi GCNQSDĐ, UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số CL 024698. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phùng Thị S là đúng quy định của pháp luật.

Năm 2014, ông Lương Văn B nhận chuyển nhượng lại thửa số 424, tờ bản đồ số 08 diện tích 143,1m² của bà Dương Thị H và được UBND huyện cấp GCN QSD đất số BX502442.

Quan điểm người bị kiện: UBND huyện V cấp các GCNQSDĐ nêu trên là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR351215, ngày 31/12/2013 của bà Phùng Thị S và GCNQSD đất số BX502442 ngày 03/12/2014 của ông Lương Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Dương Thị H do ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Q, TT Nénh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2012 bà Dương Thị H mua thửa đất của ông Lương Văn B với diện tích 143,1m² tại thôn Đ, xã N, huyện V. Sau khi mua, bà đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Năm 2014 bà Dương Thị H chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông Lương Văn B và ông Lương Văn B được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số BX 502442 ngày 03/12/2014. Sau đó ông Lương Văn B chuyển nhượng diện tích 139,9m² cho bà Phùng Thị S. Nay ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà, bà không đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Phùng Thị S (do ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1978, địa chỉ thôn Q, TT Nénh đại diện theo ủy quyền) và ông Lương Ngọc Đ trình bày:

Bà Phùng Thị S nhận chuyển nhượng hợp pháp từ gia đình ông Lương Văn B thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 139,9m² và được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 351215 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Cấp đổi ngày 17 tháng 5 năm 2019, số CL 024698, diện tích 144,7m², thửa số 690, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn Đ, xã N (nay là TT Nénh), huyện V.

Tháng 8/2014, gia đình ông, bà tiến hành xây dựng nhà có để một diện tích cách bờ tường rào nhà ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M 30cm làm rãnh thoát nước. Đến tháng 4 năm 2018 UBND Huyện V có chủ trương đo đạc và cấp đổi lại GCNQSDĐ các hộ trong thôn. Gia đình ông, bà có đi xin chữ ký xác nhận các hộ 3 bên giáp ranh là ông Lương Văn B, ông Hồng, ông Lê Văn T.

Cuối năm 2018 gia đình ông, bà nhận được thông báo của UBND xã N (nay là thị trấn N) mời lên để giải quyết tranh chấp đất đai, sau đó gia đình có đi tìm hiểu thông tin nguồn gốc thửa đất, đã gặp ông Thân Văn Miến, người thời gian đó (năm 1984) làm cán bộ kế hoạch trong Ban Lãnh Đạo thôn M, đã vẽ bản kế hoạch sơ bộ để trình chi bộ trong buổi họp chi bộ ngày 26/3/1984 và bản vẽ đã được thông qua trong buổi họp này. Bản vẽ chuẩn sau khi được thông qua do ông Thân Văn Địa lưu giữ. Tới năm 2007 ông Thân Văn Địa chết, không kịp bàn giao cho ai và gia đình đã hủy hết số tài liệu này vì cho rằng đã quá lâu rồi nên hủy bỏ, bản vẽ sơ bộ hiện nay ông Thân Văn Miến vẫn đang còn lưu giữ, đó là chứng cứ nguyên vẹn cho cả khu vực này.

Gia đình ông, bà đã xây dựng căn nhà là tài sản gắn liền với thửa đất trên để cho công nhân thuê từ năm 2014. Sau thời gian sử dụng, đến nay các thiết bị, hệ thống điện, nước, nền nhà.... đã xuống cấp trầm trọng, cần phải được sửa chữa. Khi gia đình sửa chữa thì nhà ông bà Lê Văn T, Phùng Thị M có ý kiến cần dừng việc thi công chờ Tòa án giải quyết.

Đến nay ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đề nghị hủy GCNQSDĐ do UBND huyện V đã cấp cho bà Phùng Thị S thì ông, bà không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Lương Văn B do ông Lương Xuân Hiệp đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1986 ông Lương Văn B được chia một thửa đất ở theo quy định của địa phương. Khi được chia là đất thung vũng khoảng 400m². Năm 1989 có xây móng nhà, nhưng do thung vũng trũng nên không xây tiếp nữa. Sau đó ông Lương Văn B vào Miền Nam làm kinh tế. Đến năm 2002 ông Lương Văn B được thôn giao đất diện tích 383,0m². Năm 2011 ông Lương Văn B được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi được thôn giao đất, ông Lương Văn B đã nộp số tiền 500.000 đồng, khi cấp GCNQSDĐ có chữ ký ông Lê Văn T là hộ giáp ranh. Nay ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ ông Lương Văn B đã được UBND huyện V cấp, ông không đồng ý.

Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh B trình bày:

UBND thị trấn N đồng ý với quan điểm của Chủ tịch và UBND huyện V đã nêu. Việc UBND huyện V cấp các GCNQSDĐ cho ông Lương Văn B, bà Phùng Thị S là đúng quy định pháp luật. Không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M. Đề nghị Tòa án giữ nguyên các GCNQSDĐ đã cấp cho ông Lương Văn B, bà Phùng Thị S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 311, Điều 312 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Điều 32, khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003;

Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M (do anh Lê Văn A đại diện theo ủy quyền), hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 184277 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 01/11/2011 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 283m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 351215 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013 cho bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 139,9m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 502442 do UBND huyện V cấp ngày 03/12/2014 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, diện tích 143,1m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- GCNQSDĐ số CL 024698, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02396 do UBND huyện V cấp cho bà Phùng Thị S, theo quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 đối với thửa đất số 690, tờ bản đồ số 18, diện tích 144,7m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn B, bà Phùng Thị S có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm trên liên quan đến quyền lợi của các ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lương Văn B và người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 08/01/2019, UBND huyện V ban hành Văn bản số 33/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M trong đó có thể hiện nội dung ông Lương Văn B được cấp GCNQSD đất năm 2011 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị H, bà Phùng Thị S. Ngày 30/7/2019, ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: GCNQSDĐ số BG 184277 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 01/11/2011 cho ông Lương Văn B; GCNQSDĐ số BR 351215 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013 cho bà Phùng Thị S; GCNQSDĐ số BX 502442 do UBND huyện V cấp ngày 03/12/2014 cho ông Lương Văn B; GCNQSDĐ số CL 024698 do UBND huyện V cấp cho bà Phùng Thị S. Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số BG 184277 do UBND huyện V cấp ngày 01/11/2011 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 283m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số BG 184277 cho ông Lương Văn B là đúng thẩm quyền theo quy định. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ thì trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ là chưa đảm bảo quy định.

[2.1.2] Về nội dung:

Ông Lương Văn B được UBND huyện V cấp GCNQSD đất tại thửa số 387, tờ bản đồ số 08 diện tích 283m² có nguồn gốc: Hợp tác xã giao cho ông Nguyễn Văn Đệ (diện tích khoảng 400,0m²), phần diện tích này giáp với diện tích đất hợp tác xã giao cho hộ gia đình ông Lê Văn Thạc (bố đẻ ông Lê Văn T), thuộc thửa đất 387, tờ bản đồ số 08 bản đồ đo đạc năm 2001 xã N. Tuy nhiên diện tích này gia đình ông Nguyễn Văn Đệ không nhận và vẫn do tập thể quản lý. Đến năm 2002 gia đình ông Lương Văn B đề nghị thôn giao cho gia đình theo tiêu chuẩn có 02 con dâu, ban lãnh đạo thôn M, xã N đã nhất trí và giao đất cho gia đình ông Lương Văn B.

Ngày 10/8/2002 đại diện ban lãnh đạo thôn M đã tiến hành đo đạc hiện trạng và giao đất cho gia đình ông Lương Văn B diện tích 383,0m² có các cạnh: Phía Bắc rộng 15,80m; phía Nam rộng 15,10m; phía Đông dài 19,0m; phía Tây 17,80m. Do diện tích đất giao cho gia đình ông Lương Văn B nằm gần diện tích đất gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đang sử dụng, ban lãnh đạo thôn đã mời đại diện gia đình cùng tham gia đo đạc và xác định ranh giới thửa đất và ông Lê Văn T đã ký xác nhận vào Biên bản giao đất cho gia đình ông Lương Văn B. Gia đình ông Lương Văn B đã nộp số tiền 500.000 đồng tại phiếu thu số 05 đề ngày 09/8/2002 cho ban lãnh đạo thôn M, xã N.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bản đồ đo đạc năm 2001 và được duyệt năm 2002 thể hiện thửa đất có khiếu kiện số thứ tự số 363, diện tích 629,1m² đứng tên gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M. Các tài liệu về đóng thuế thể hiện gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M đóng thuế đất ở đến năm 2012.

UBND huyện V, UBND thị trấn N đều thừa nhận tại Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 28/10/2003 về việc cấp GCNQSDĐ cho 794 hộ dân tại xã N, trong đó có gia đình ông Lê Văn T bà Phùng Thị M, thửa đất tại số thứ tự 363, diện tích 629,1m² tại thửa số 387 tờ bản đồ số 8.

Như vậy, đến ngày 28/10/2003 UBND huyện V đã cấp 629,1m² tại thửa số 387 tờ bản đồ số 8 cho gia đình ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M. Đến ngày 01/11/2011, UBND huyện V lại cấp GCNQSDĐ số BG 184277 cho ông Lương Văn B đối với diện tích 283m² tại thửa số 387, tờ bản đồ số 8, tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B là trái quy định pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số BR 351215 do UBND huyện V cấp ngày 31/12/2013 cho bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 8, diện tích 139,9m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B (đã được UBND huyện V cấp đổi năm 2019, số CL 024698):

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

Việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số BR 351215 cho bà Phùng Thị S và cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Phùng Thị S số CL 024698 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[2.2.2] Về nội dung:

Năm 2013 ông Lương Văn B chuyển nhượng một phần diện tích 139,9m² thuộc thửa số 387 tờ bản đồ số 08 cho bà Phùng Thị S, thôn Q, xã N. Bà Phùng Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 351215 ngày 31/12/2013 (cấp đổi theo Quyết định số 1576 ngày 17/5/2019 theo GCNQSDĐ đất số CL 024698 ngày 17/5/2019 thửa 690, tờ bản đồ 18, diện tích 144,7m²).

Việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông Lương Văn B chồng lên diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M là trái pháp luật nên ông Lương Văn B chuyển nhượng cho bà Phùng Thị S, sau đó bà Phùng Thị S được cấp GCNQSDĐ đối với các phần đất này cũng là không đúng pháp

luật. Trong trường hợp này, bà Phùng Thị S không phải là người thứ ba ngay tình vì bà Phùng Thị S là người nhận chuyển nhượng lại của ông Lương Văn B là người không được cấp GCNQSDĐ hợp pháp đối với phần đất chuyển nhượng.

[2.3] Xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số BX 502442 do UBND huyện V cấp ngày 03/12/2014 cho ông Lương Văn B đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, diện tích 143,1m² tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B:

[2.3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền: UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông Lương Văn B là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013.

[2.3.2] Về nội dung: Việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông Lương Văn B năm 2011 là trái quy định pháp luật. Năm 2012 ông Lương Văn B chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 143,1m² (thuộc thửa 424 tờ bản đồ số 08) cho bà Dương Thị H. Đến năm 2014, ông Lương Văn B nhận chuyển nhượng lại diện tích đất trên của bà Dương Thị H và được UBND huyện cấp GCNQSDĐ đất số BX502442 cũng là chưa đảm bảo quy định pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T bà Phùng Thị M, hủy các GCNQSDĐ của UBND huyện V đã cấp cho ông Lương Văn B và bà Phùng Thị S là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn B và bà Phùng Thị S về các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho các ông, bà.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phùng Thị S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Ông Lương Văn B là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Lương Văn B và bà Phùng Thị S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phùng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 000147 ngày 27/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Ông Lương Văn B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lệ